

Bản án số: 55/2025/HS-ST

Ngày: 24 - 10 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quốc Định và bà Nguyễn Thị Quyên.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Thành Trung - Thẩm tra viên Toà án nhân khu vực 6 - Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình tham gia phiên toà:** Ông Phạm Minh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 43/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2025, đối với bị cáo:

Vũ Thế Q, sinh năm 1988 tại tỉnh Hưng Yên; nơi thường trú: Tổ dân phố A, phường P, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Văn T và bà Phạm Thị T1; có vợ là Phan Thị P và có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 29/10/2010, Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam cũ xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 57 tháng 26 ngày về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Đã được xoá án tích.

- Ngày 15/4/2025, Toà án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương cũ xử phạt 11 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 19/5/2025 Toà án nhân dân huyện Bình Giang ra Quyết định thi hành án phạt tù đối với Q. Ngày 13/6/2025 Vũ Thế Q được đưa đến trại giam Q1, tỉnh Tuyên Quang chấp hành án. Ngày 03/9/2025 Cơ quan quản lý T3 Bộ C ra Lệnh trích xuất phạm nhân số 9110/LTX đối với Vũ Thế Q từ Trại giam Q1 đến Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh N. Bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác; có mặt.

- **Bị hại:** Ông Kiều Tiến S, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là Tổ dân phố V, phường K, tỉnh Ninh Bình); vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1958; nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường P, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

+ Anh Mai Văn T2, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (nay là Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh); vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Người làm chứng: Anh Mai Việt A; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 18/01/2025, Vũ Thế Q đi đến Khu công nghiệp Đ để xin việc nhưng không xin được việc nên đi bộ tìm xe khách về nhà, khi đến tổ dân phố Đ, phường D, tỉnh Ninh Bình; Q nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, Biển kiểm soát (BKS): 90B2-193.15 của ông Kiều Tiến S đang dựng ở lề đường, chìa khoá vẫn cắm ở ổ khoá nên Q nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô này. Quyết quan sát xung quanh thấy không có ai nên lén lút khởi động xe rồi điều khiển xe bỏ chôn đến tỉnh Hưng Yên. Khi đi đến thành phố H, Q dừng lại đổ xăng thì thấy trong cốp xe có đăng ký xe mô tô BKS 90B2-193.15, tên chủ xe là Kiều Tiến S, địa chỉ N, K, tỉnh Hà Nam (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình), nhãn hiệu xe Honda Airblade, màu đỏ đen bạc. Sau đó, Q điều khiển xe mô tô 90B2-193.15 đi đến cửa hàng cầm đồ Bảo Linh có địa chỉ tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh do anh Mai Văn T2 làm chủ; anh T2 đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô trên với số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 20.000 đồng/01 ngày, Q đã tiêu sài cá nhân hết số tiền này. Ngày 21/5/2025 ông Kiều Tiến S đến Cơ quan Công an trình báo sự việc trên.

Vật chứng thu giữ, tạm giữ gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen bạc, BKS: 90B2-193.15; 01 hợp đồng cầm đồ Bảo Linh đề ngày 18/01/2025; 01 đăng ký xe mô tô số 037620, tên chủ xe Kiều Tiến S, địa chỉ N, K, tỉnh Hà Nam, nhãn hiệu xe Honda Airblade, màu đỏ đen bạc, BKS: 90B2-193.15; Thu giữ của ông Kiều Tiến S 01 USB nhãn hiệu Kingstom, màu trắng, dung lượng 04G lưu đoạn video dài 03 phút 05 giây, thời gian từ 07 giờ 39 phút 53 giây đến 07 giờ 42 phút 58 giây ngày 18/01/2025, có nội dung liên quan vụ án.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐ ngày 06/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã D cũ kết luận: Giá trị theo giá thị trường ngày 18/01/2025 của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen bạc, BKS: 90B2-193.15, đăng ký mua mới tháng 4/2016, cũ đã qua sử dụng có giá là 18.500.000 đồng.

Ngày 19/8/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra (*viết tắt là: CSĐT*) Công an tỉnh N ra Quyết định trưng cầu giám định số A1618/QĐ-CSHS trưng cầu Phòng

K Công an tỉnh N giám định 01 đoạn video, dung lượng 47.5 MB thu giữ của ông Kiều Tiến S.

Tại bản Kết luận giám định số 639/KL-KTHS ngày 12/9/2025 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: Không phát hiện thấy dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tệp tin video gửi giám định.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã tiến hành cho Vũ Thế Q nhận dạng người đàn ông trong đoạn Video thu được từ Camara an ninh của nhà chị Kiều Thị L1 do ông Kiều Tiến S giao nộp. Vũ Thế Q khẳng định hình ảnh người đàn ông đang có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô BKS: 90B2-193.15 tại đường trước cửa nhà chị Kiều Thị L1 đúng là mình.

Ngày 19/8/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã ra Quyết định trưng cầu giám định số A1619/QĐ-CSHS trưng cầu Phòng K Công an tỉnh N giám định chữ ký, viết của Vũ Thế Q trên tờ hợp đồng cầm đồ Bảo Linh đề ngày 18/01/2025 so với chữ ký, chữ viết của Vũ Thế Q trên các mẫu so sánh gồm: bản tự khai, bản tường trình đề ngày 12/7/2025, bản tự khai, bản tường trình đề ngày 15/7/2025; biên bản làm việc đề ngày 12/7/2025 và biên bản mở niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ đề ngày 12/7/2025.

Tại bản Kết luận giám định số 707/KL-KTHS ngày 08/9/2025 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: Chữ ký, chữ viết đúng tên Vũ Thế Q dưới mục người nhận tiền trên tờ hợp đồng cầm đồ Bảo L và chữ ký, chữ viết của Vũ Thế Q trên các mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra.

* Về xử lý vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra xác định chiếc xe mô tô biển kiểm soát 90B2-193.15 kèm theo giấy tờ xe là tài sản hợp pháp của ông Kiều Tiến S, chiếc xe này không là vật chứng, tang vật của vụ án, vụ việc nào khác. Do vậy Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô BKS 90B2-193.15 kèm theo giấy tờ xe cho ông S.

* Về trách nhiệm dân sự: Ông Kiều Tiến S đã nhận lại xe mô tô nên không có yêu cầu, đề nghị gì khác. Gia đình Vũ Thế Q đã bồi thường số tiền 10.000.000đ cho anh Mai Văn T2 nên anh T2 không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Quá trình điều tra bị cáo Vũ Thế Q đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 45/CT-VKS-KV6 ngày 30/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình, truy tố Vũ Thế Q về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); xử phạt bị cáo Vũ Thế Q từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 11 (*mười một*) tháng tù tại bản án số 20/2025/HS-ST ngày 15/4/2025 của Toà án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương (nay là Toà án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng). Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án và thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung. Buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

- Bị cáo Vũ Thế Q nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình đã truy tố; không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, khách quan.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Mai Văn T2); người làm chứng (anh Mai Việt A) vắng mặt tại phiên toà nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của những người này, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu được, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác lưu trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ 40 phút ngày 18/01/2025 tại Tổ dân phố Đ, phường D, tỉnh Ninh Bình, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, Vũ Thế Q đã lén lút trộm cắp 01 xe mô tô BKS 90B2-193.15 trị giá 18.500.000 (*mười tám triệu năm trăm nghìn*) đồng của ông Kiều Tiến S.

Hành vi nêu trên của bị cáo Vũ Thế Q đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình truy tố bị cáo là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo Vũ Thế Q có nhân thân xấu đã nhiều lần bị kết án vào tháng 10/2010 và tháng 4/2025.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Vũ Thế Q không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; bị cáo nhờ gia đình bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[5] Về hình phạt:

- Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang lo lắng của nhân dân trong việc quản lý tài sản. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, cũng đáp ứng được yêu cầu phòng ngừa tội phạm chung trong cộng đồng hiện nay. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo yên tâm chấp hành án, sớm hoà nhập cộng đồng, gia đình, xã hội cũng thấy được tính nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Vũ Thế Q thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại Điều 35 và khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Bản án số 20/2025/HS-ST ngày 15/4/2025, Toà án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương (nay là Toà án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng) xử phạt 11 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Vũ Thế Q đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này, do đó cần phải tổng hợp hình phạt theo Điều 55 và Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[9] Về các vấn đề khác:

- Đối với hành vi của Mai Văn T2 khi cầm cố chiếc xe mô tô 90B2-193.15 của Q mang đến ngày 18/01/2025, anh Mai Văn T2 không bàn bạc, hứa hẹn trước, không biết chiếc xe mô tô trên do Q trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

- Anh Mai Văn T2 có giấy phép đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ và có lập hợp đồng cầm cố tài sản khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô 90B2-193.15 của Q. Tuy nhiên, anh T2 đã có hành vi nhận cầm cố tài sản mà không có sự đồng ý của chủ sở hữu hoặc uỷ quyền hợp lệ của chủ sở hữu và đã thoả thuận lãi suất 2.000đ/01 triệu/01 ngày, tương đương 73%/năm, gấp 3,65 lần lãi suất tối đa 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Hành vi trên của anh T2 có dấu hiệu vi phạm điểm 1 khoản 3, điểm d khoản 4, Điều 12 Nghị định 144/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Phòng K Công an tỉnh N đã gửi Công văn đề nghị Phòng K Công an tỉnh B xem xét xử lý anh T2 theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 ; Điều 55 và Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Thế Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Vũ Thế Q 21(*hai mươi một*) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 11 (*mười một*) tháng tù tại bản án số 20/2025/HS-ST ngày 15/4/2025 của Toà án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương (nay là Toà án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng).

Hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 32 (*ba mươi hai*) tháng tù; thời hạn tù kể từ ngày 21/01/2025 (là ngày bị cáo chấp hành bản án số 20/2025/HS-ST ngày 15/4/2025 của Toà án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương nay là Toà án nhân dân khu vực A - Hải Phòng).

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Vũ Thế Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao (Vụ GDKT I);
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Trại tạm giam số 2 - CA tỉnh Ninh Bình;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 6 - tỉnh Ninh Bình;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan THA
hình sự - CA tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Bị cáo; Bị hại; Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đinh Thành Nam